

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21/6/2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 21/6/ 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Dương Mạnh K – Sinh năm 1954. Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Bà Tô Thanh X – Sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi đi nước ngoài: phòng 207, tầng 02, nhà A, Tập thể V, ngõ 03, phố T, tổ 8, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện nay ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là ông Dương Mạnh K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông (Dương Mạnh K) và bà Tô Thanh X kết hôn ngày 19/5/2003 tại cơ quan đại diện Việt Nam tại Ucraina. Ông (Dương Mạnh K) và bà Tô Thanh X chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng không đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do đó bà Tô Thanh X đã viết đơn ly hôn ngày 02/8/2004. Nay ông (Dương Mạnh K) xác định tình cảm vợ chồng không

còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, ông (Dương Mạnh K) đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tô Thanh X.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn là bà Tô Thanh X hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể.* Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bà Tô Thanh X đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của bà X.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của bà X là ông Tô Xuân C (sinh năm: 1936, địa chỉ: phòng 207, tầng 02, nhà A, Tập thể V, ngõ 03, phố T, tổ 8, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội). Ông Tô Xuân C có quan điểm trình bày như sau: Ông là bố đẻ của bà Tô Thanh X. Hiện nay bà Tô Thanh X đang ở Ucraina không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của bà Tô Thanh X ở bên nước ngoài thì ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình thông báo để bà Tô Thanh X gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình từ chối thực hiện. Về việc ông K xin ly hôn bà Tô Thanh X, gia đình đã thông báo thì bà Tô Thanh X có quan điểm trao đổi về với gia đình như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Con ông (bà Tô Thanh X) đồng ý ly hôn với ông Dương Mạnh K.

- Về con chung: Bà Xuân, ông K không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Xuân, ông K không có.

* Tại phiên tòa ông Dương Mạnh K có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Bà Tô Thanh X vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho ông Dương Mạnh K được ly hôn bà Tô Thanh X.

+ Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: căn cứ khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội miễn án phí sơ thẩm cho ông Dương Mạnh K, trả lại cho ông K 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Cục THADS tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Dương Mạnh K là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với bà Tô Thanh X. Bị đơn bà Tô Thanh X là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: phòng 207, tầng 02, nhà A, Tập thể V, ngõ 03, phố T, tổ 8, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 19846/QLXNC-P5 ngày 29/10/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì bà Tô Thanh X đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 22/12/1999, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của bà Tô Thanh X. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ông Dương Mạnh K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Tô Thanh X vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp bà Tô Thanh X cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bà Tô Thanh X theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 – Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dương Mạnh K và bà Tô Thanh X.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Theo như ông Dương Mạnh K trình bày: Ông Dương Mạnh K và bà Tô Thanh X kết hôn ngày 19/5/2003 tại cơ quan đại diện Việt Nam tại Ucraina. Ông Dương Mạnh K và bà Tô Thanh X chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng không đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do đó bà Tô Thanh X đã viết đơn ly hôn ngày 02/8/2004. Thông qua người thân (là bố đẻ) bà Tô Thanh X có quan điểm đồng ý ly hôn với ông Dương Mạnh K.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của ông Dương Mạnh K và bà Tô Thanh X là hợp pháp. Hiện nay ông Dương Mạnh K và bà Tô Thanh X mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả ông Dương Mạnh K và bà Tô Thanh X đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Dương Mạnh K và bà Tô Thanh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông Dương Mạnh K được ly hôn bà Tô Thanh X.

[4]. Về con chung: Ông Khấn, bà X không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Ông Khấn, bà X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí cho ông Dương Mạnh K, trả lại ông K 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 1, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều

479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Mạnh K được ly hôn bà Tô Thanh X.

2. Về án phí: ông Dương Mạnh K không phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, trả lại ông Dương Mạnh K số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000820 ngày 30/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Tô Thanh X hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Dương Mạnh K cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 – Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng